TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG** **TỈNH HẢI DƯƠNG.**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2022/HN&GĐ-ST

Ngày: 21/01/2022.

V/v:"Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI DƯƠNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà: Bà **Nguyễn Thị Thu H□ơng**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1.Bà **Phạm Thị Lan.**

2. Bà **Hà Thị Thúy.**

Thư ký phiên tòa: Bà **Triệu Thị Loan**- Thư ký Tòa án, Toà án nhân dân thành phố Hải D- ơng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải D- ơng tham gia phiên toà: Bà Lê Thị Thu Thanh- Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 01 năm 2022, tại Trụ sở Toà án nhân dân thành phố Hải D- ơng, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 538/2021/TLST- HN&GĐ ngày 08 tháng 12 năm 2021 về việc "Ly hôn, nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 51/2021/QĐXX-ST ngày 27 tháng 12 năm 2021: Quyết định hoãn phiên tòa số 02 ngày 12/01/2022 giữa:

- **Nguyên đơn**: Chị **Nguyễn Thị L**, sinh năm 1984.

ĐKHKTT: Khu TB, phường TK, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

Cư trú tại: Đội 1, Khu PT, phường TK, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương

Chị L có đơn xin xử vắng mặt tại phiên tòa.

- Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn K,** sinh năm 1980.

ĐKHKTT và Cư trú tại: Khu TB, phường TK, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương. (Anh K vắng mặt không có lý do tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Nguyên đơn chị Nguyễn Thị L có đơn xin xét xử vắng mặt nhưng được thể hiện tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản phiên họp kiểm tra, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nguyên đơn trình bày**:

Chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Văn K tự nguyện tìm hiểu, hai bên gia đình có tổ chức cưới theo phong tục tập quán, có đăng ký kết hôn tại UBND xã TK, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương (nay là phường TK, thành phố Hải Dương) vào ngày 06/01/2006. Sau khi kết hôn chị L về sống cùng gia đình anh K tại thôn TB, phường TK thời gian một năm sau đó bố mẹ anh K cho ra ăn riêng, ở riêng nhưng vẫn ở trên nhà đất của bố mẹ anh K. đến năm 2008 vợ chồng xây nhà trên đất của bố mẹ anh K và ở từ đó cho đến khi chị L bỏ ra sống riêng tháng 5/2020. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận được 04 tháng thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do trong cuộc sống không tìm được tiếng nói chung không chia sẻ những lúc khó khăn, anh K hay chửi mắng, đánh đập xúc phạm chị, không tôn trọng gia đình bố mẹ chị kết hợp hai bên gia đình có mâu thuẫn và bản thân chị có mâu thuẫn với gia đình bố mẹ anh K. Do mâu thuẫn trầm trọng tháng 5/2020 chị và con đã thuê nhà tại Đội 1 PT, phường TK, thành phố Hải Dương và ra sống ở riêng từ đó đồng thời vợ chồng cũng sống ly thân chấm dứt quan hệ tình cảm từ đó cho đến nay. Quá trình chị L ở riêng anh K có đến tìm gặp chị vài lần nhưng chị không về sống chung cùng anh K. Do hai bên gia đình có mâu thuẫn nên không hòa giải cho vợ chồng. Nay chị L xác định tình cảm vợ chồng đã mâu thuẫn trầm trọng không thể sống chung cùng nhau được. Chị L đề nghị Tòa án xử cho chị được ly hôn anh Nguyễn Văn K.

Về con chung: Chị L và anh Kế có 02 con chung là Nguyễn Quỳnh Tr, sinh ngày 17/11/2006 và Nguyễn Trung Đ, sinh ngày 23/11/2009. Hiện nay cháu Tr ở với chị, cháu Tr có đơn xin ở với chị, cháu Đ do anh K chăm sóc nuôi dưỡng và cháu Đ có đơn xin ở với anh K. Nay chị có nguyện vọng nuôi dưỡng cháu Tr, anh K tiếp tục nuôi dưỡng cháu Đ, hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau.

- Về tài sản chung: Chị và anh K tự giải quyết không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Vợ chồng không nợ chung ai nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản riêng: Chị L xác định không có.

- Về công sức: Chị và anh K tự giải quyết không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Bị đơn anh Nguyễn Văn K vắng mặt nhưng anh K có quan điểm được thể hiện :** Tại biên bản lấy lời khai và biên bản tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải: Anh và chị Nguyễn Thị L tự nguyện tìm hiểu, hai bên gia đình có tổ chức cưới theo phong tục tập quán, có đăng ký kết hôn tại UBND xã TK, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương (nay là phường TK, thành phố Hải Dương) vào ngày 06/01/2006. Sau khi kết hôn chị L về sống cùng gia đình anh tại thôn TB, TK, thời

gian khoảng một năm sau đó bố mẹ anh cho vợ chồng ra ăn riêng, ở riêng nhưng vẫn ở trên nhà của bố mẹ anh. Đến năm 2008 vợ chồng xây nhà trên đất của bố mẹ anh và ở từ đó cho đến nay. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do trong cuộc sống không tìm được tiếng nói chung không thông cảm nhau nên vợ chồng có cãi nhau có lúc nóng giận anh có đánh chị L, chị L có bỏ về nhà bố mẹ đẻ sau đó anh biết lỗi đến xin lỗi chị L về vợ chồng lại đoàn tụ. Nhưng tình cảm vợ chồng lại có mâu thuẫn, chị L có mâu thuẫn với gia đình anh, hai bên gia đình có mâu thuẫn nên không hòa giải cho anh chị. Do mâu thuẫn tháng 5/2020 chị và con đã thuê nhà tại Đội 1 PT, phường TK, thành phố Hải Dương và ra sống ở riêng đồng thời vợ chồng cũng sống ly thân chấm dứt mọi quan hệ tình cảm, kinh tế từ đó cho đến nay. Quá trình chị ở riêng anh K có đến tìm gặp chị L vài lần nhưng chị L không về sống cùng anh. Nay chị L cương quyết xin ly hôn, anh xác định tình cảm vợ chồng có mâu thuẫn nhưng anh mong muốn để cho các con có cả bố lẫn mẹ trong cuộc sống anh không đồng ý ly hôn và mong muốn vợ chồng đoàn tụ nhưng anh không có biện pháp gì để hàn gắn vợ chồng về đoàn tụ.

- Về con chung: Anh và chị L có 02 con chung là Nguyễn Quỳnh Tr, sinh ngày 17/11/2006 và Nguyễn Trung Đ, sinh ngày 23/11/2009. Hiện nay cháu Tr ở với chị L, cháu Tr có đơn xin ở với chị L, cháu Đ do anh chăm sóc nuôi dưỡng, và cháu Đ có đơn ở với anh. Nay anh không đồng ý ly hôn lên về con chung anh không đề nghị giải quyết. Trường hợp Tòa án giải quyết ly hôn anh có nguyện vọng nuôi dưỡng cháu Đ, giao chị L nuôi dưỡng cháu Tr hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau.

- Về tài sản chung: Anh và chị L tự giải quyết không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Vợ chồng không nợ chung ai nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản riêng: Anh K xác định không có.

- Về công sức: Anh và chị L tự giải quyết.

* Tòa án xác minh tại khu dân c- TB, ph- ờng TK thành phố Hải D- ơng thể hiện: Chị L, anh K có đăng ký kết hôn tại UBND xã TK, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương (nay là phường TK, thành phố Hải Dương) vào năm 2006. Sau ngày kết hôn chị L về sống cùng bố mẹ đẻ anh K và vợ chồng có xây dựng nhà trên đất của bố mẹ anh K tại khu TB, phường TK. Quá trình chung sống vợ chồng có dư luận luôn thường xảy ra mâu thuẫn. Do mâu thuẫn chị L đã cùng các con thuê nhà ra ở riêng từ tháng 5/2020 cho đến nay. Từ khi ở riêng chị L không trở về sống chung cùng anh K. Việc anh chị mâu thuẫn anh chị không báo chính quyền địa phương cùng các cấp hòa giải cho anh chị. Nay chị L xin ly hôn anh K địa phương đề nghị Tòa án căn cứ vào yêu cầu của anh chị để giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

- Tòa án lấy lời khai của bà Đào Thị Lg là mẹ đẻ anh K. Bà Lg trình bày: Anh K và chị L có tự nguyện tìm hiểu nhau. Gia đình có tổ chức cưới theo phong tục tập quán. Anh K, chị L có đăng ký kết hôn tại UBND xã TK, huyện Gia Lộc,

tỉnh Hải Dương (nay là phường TK, Thành phố Hải Dương) vào tháng 01/2006. Sau khi cưới chị L về sống chung cùng anh K tại gia đình bà địa chỉ: thôn TB, phường TK được khoảng 04 tháng thì vợ chồng ra ăn riêng nhưng vẫn ở chung nhà, được 08 tháng thì vợ chồng ra ăn riêng, ở riêng nhưng vẫn ở trên đất của gia đình bà. Đến năm 2008 vợ chồng xây nhà trên đất của bà và chồng bà ông Nguyễn Văn L. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận khoảng được 04 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng không hiểu tính cách nhau không tìm được tiếng nói chung, bản thân anh K tính nóng, chị L hay nói dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau, đánh nhau. Quá trình mâu thuẫn ông bà và anh chị trong gia đình có hòa giải cho anh K, chị L sau đó vợ chồng vui vẻ. Tuy chỉ được thời gian ngắn vợ chồng lại mâu thuẫn, chị L tuy sống trong gia đình bà nhưng chị không có sự tôn trọng mọi người như không chào, hỏi bà khi gặp bà. Do mâu thuẫn giữa chị L, anh K với gia đình bà nên tháng 5/2020 chị L đã thuê nhà ở riêng không về sống chung cùng anh K. Từ khi chị L ở nơi khác khu PT, phường TK, TP. Hải Dương, vợ chồng bà không tìm và hòa giải cho anh K, chị L. Anh K nhiều lần tìm đón và xin lỗi chị L về đoàn tụ nhưng chị L không về sống cùng anh K và sống ly thân từ đó cho đến nay. Hai bên thông gia có sự hiểm nhầm nhau về cách cư xử lời nói nên không gặp nhau. Nay bà xác định anh K, chị L tình cảm vợ chồng có mâu thuẫn và chị L cương quyết xin ly hôn anh K, bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

- Tòa án lấy lời khai của bà Đinh Thị D là mẹ kế của chị L, chị L sống cùng bà từ khi chị L được 12 tuổi. Chị L với anh Nguyễn Văn K có tự nguyện tìm hiểu nhau. Gia đình có tổ chức cưới theo phong tục tập quán. Anh K, chị L có đăng ký kết hôn tại UBND xã TK, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương (nay là phường TK, Thành phố Hải Dương) vào tháng 01/2006. Sau khi cưới chị L về sống chung cùng anh K tại gia đình bố mẹ đẻ anh K địa chỉ: thôn TB, phường TK được khoảng thời gian ngắn thì ra ăn riêng, ở riêng nhưng vẫn ở trên đất của gia đình bố mẹ anh K. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận và phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bà không ở gần anh chị nên không chứng kiến nhưng được các con của chị L, anh K về ngoại chơi có kể lại bố mẹ thường xuyên đánh cãi chửi nhau thì bà mới biết. Sau đó khi vợ chồng mâu thuẫn bà và chồng bà ông Nguyễn Đình V (là bố đẻ chị L) có biết có hòa giải cho anh K, chị L. Có lần vợ chồng mâu thuẫn chị L bỏ về gia đình bà ở đến hôm sau vợ chồng bà cùng chị L về nhà anh K cùng bố mẹ anh K hòa giải nhưng đến nay vợ chồng vẫn thường xuyên mâu thuẫn. Nên tháng 5/2020 chị L và các con đã thuê nhà ở riêng không về sống chung cùng anh K. Từ khi chị L ở nơi khác khu PT, phường TK, TP. Hải Dương cùng con gái chị L (cháu Tr). Anh K có đến gia đình bà xin lỗi và mong gia đình bà khuyên chị L về sống chung cùng anh K nhưng chị L không về sống cùng anh K và sống ly thân từ đó cho đến nay. Bà không có mâu thuẫn gì với bên thông gia. Nay bà xác định anh K, chị L tình cảm vợ chồng đã có mâu thuẫn và chị L cương quyết xin ly hôn anh K bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật

Anh K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần nhưng vẫn vắng mặt. Do vậy Tòa án xét xử vắng mặt anh K theo quy định pháp luật.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải D□ơng phát biểu ý kiến:**

Về việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử (viết tắt HĐXX), Th- ký phiên tòa, ng- ời tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến tr- ớc thời điểm HĐXX nghị án, đã thực hiện đúng trình tự quy định của Luật tố tụng dân sự. Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

□p dụng Điều 51; 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147 BLTTDS; Luật phí, lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp , quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị L, xử chị Nguyễn Thị L ly hôn anh Nguyễn Văn K.

- Về con chung: Chấp nhận sự tự thỏa thuận của anh chị: Giao cho chị Nguyễn Thị L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Nguyễn Quỳnh Tr, sinh ngày 17/11/2006; Giao cho anh Nguyễn Văn K trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Trung Đ, sinh ngày 23/01/2009. Hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau. Chị L và anh K có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm được đối trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đ chị L đã nộp theo biên lai thu sốAA/2020/0001680 ngày 02/12/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Hải Dương. Chị L đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Anh Nguyễn Văn K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ 02 lần nhưng vẫn vắng mặt và không có yêu cầu phản tố nên Tòa án xét xử vắng mặt anh K theo điểm b khoản 2 Điều 227 BLTTDS. Chị Nguyễn Thị L có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt chị L theo khoản 1 Điều 228 BLTTDS.

[2] Về thẩm quyền: Chị L làm đơn khởi kiện xin ly hôn anh K. Anh K hiện cư trú tại Khu TB, phường TK, thành phố Hải Dương. Do vậy vụ án trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hải Dương.

[3] Chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Văn K tự nguyện tìm hiểu, có tổ chức c- ới, có đăng ký kết hôn tại UBND xã TK, huyện Gia Lộc, tỉnh Hải Dương (nay là phường TK, thành phố Hải Dương) vào ngày 06/01/2006, là Hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận thời gian khoảng 04 tháng thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng nhau quan điểm sống, không có tiếng nói chung thường xuyên xảy ra cãi vã, đánh nhau. Chị L có mâu thuẫn với gia đình anh K, hai bên thông gia có sự hiểu nhầm nhau nên cũng không hòa giải cho anh chị. Do mâu thuẫn trầm trọng tháng 5/2020 chị L bỏ ra ở riêng, sống riêng cùng con gái (Tr). Từ khi sống ly thân vợ chồng chấm dứt mọi quan hệ tình cảm cũng như kinh

tế. Bản thân anh K có tìm chị L về đoàn tụ nhưng chị là không về sống cùng anh K. Quá trình giải quyết tại Tòa án anh K trình bày không có biện pháp gì để vợ chồng đoàn tụ. Nay chị L xác định tình cảm vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh K.

Anh Nguyễn Văn K xác định vợ chồng có mâu thuẫn nhưng không lớn, vợ chồng sống ly thân từ tháng 5/2020 chấm dứt mọi quan hệ tình cảm, kinh tế. Anh không muốn ly hôn chị L vì sợ ảnh hưởng đến tương lai các con. Anh vẫn mong muốn vợ chồng đoàn tụ để nuôi dạy các con nhưng anh không có biện pháp gì hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Tòa án xác minh tại địa phương nơi anh chị cư trú và có ý kiến của gia đình hai bên, Hội đồng xét xử nhận thấy: Chị L và anh Kế đã sống ly thân từ tháng 5/2020, chấm dứt mọi quan hệ tình cảm, kinh tế không ai quan tâm đến tình cảm của nhau. Do vợ chồng mâu thuẫn chị L không về chung sống cùng anh K, anh K có nguyện vọng vợ chồng về đoàn tụ nhưng bản thân anh không có biện pháp gì để vợ chồng đoàn tụ. Do vậy HĐXX xét thấy chị L và anh K tình cảm vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt đ- ợc nên việc anh K xin đoàn tụ không có căn cứ do vậy HĐXX không chấp nhận. HĐXX chấp nhận đơn xin ly hôn của chị L và HĐXX xử cho chị L được ly hôn anh Kế theo Điều 51; Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung*:* Chị L và anh K có 02 con chung Nguyễn Quỳnh Tr, sinh ngày 17/11/2006 và Nguyễn Trung Đ, sinh ngày 23/11/2009. Hiện nay cháu Tr ở với chị L, cháu Tr có đơn xin ở với chị L, cháu Đ do anh K chăm sóc nuôi dưỡng, và cháu Đ có đơn ở với anh K. Nay anh K không đồng ý ly hôn lên về con chung anh không đề nghị giải quyết. Trường hợp Tòa án giải quyết ly hôn anh có nguyện vọng nuôi dưỡng cháu Đ, chị L nuôi dưỡng cháu Tr, hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau.

HĐXX nhận thấy con Tr hiện do chị L chăm sóc nuôi dưỡng đã ổn định về tinh thần, học tập, sinh hoạt hàng ngày bản thân cháu là con gái phù hợp với điều kiện ở với chị L nên cần tiếp tục giao cho chị L được chăm sóc nuôi dưỡng con Nguyễn Quỳnh Tr là phù hợp.

Đối với cháu Nguyễn Trung Đ hiện đang do anh K chăm sóc nuôi dưỡng, anh K có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu Đ. Do vậy HĐXX xét thấy cháu Đ ở với anh K nay đã ổn định về sức khỏe, học tập và việc chăm sóc cháu là nam giới phù hợp với việc chăm sóc của anh K. Do vậy chấp nhận yêu cầu của anh K giao cho anh K tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng cháu Nguyễn Trung Đ là phù hợp pháp luật. Hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau.

[5] Về tài sản chung, nợ chung, công sức: Vợ chồng tự giải quyết không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nếu anh chị có yêu cầu sẽ giải quyết ở vụ án dân sự khác.

[6] Về án phí: Chị L phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình 300.000đ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51; 56; 58; 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia Đình; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí, lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, án phí, lệ phí Tòa án.

- Xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị L xin ly hôn anh Nguyễn Văn K.

1. Về quan hệ vợ chồng: Xử cho chị Nguyễn Thị L được ly hôn anh Nguyễn Văn Kế.

2. Về con chung xử: Giao cho chị Nguyễn Thị L chăm sóc nuôi dưỡng con chung Nguyễn Quỳnh Tr, sinh ngày 17/11/2006. Đến khi con đủ 18 tuổi.

Giao cho anh Nguyễn Văn K tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung Nguyễn Trung Đ, sinh ngày 23/01/2009. Đến khi con đủ 18 tuổi. Hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau.

Chị L, anh K có quyền đi lại chăm sóc, giáo dục các con chung không ai được ngăn cản.

3. Về tài sản chung, nợ chung, công sức: Chị L và anh K tự giải quyết không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nếu chị L, anh K có yêu cầu về tài sản, nợ, công sức sẽ giải quyết ở vụ án dân sự khác.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải chịu 300.000đ án phí sơ thẩm ly hôn được đối trừ 300.000đ vào khoản tiền 300.000đ do chị L đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2020/0001680 ngày 02/12/2021 của Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Dương; chị L đã thực hiện xong nghĩa vụ về án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị L, anh Nguyễn Văn K vắng mặt đ- ợc quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án đ- ợc niêm yết./.

Nơi nhận:
-VKS TP.Hải D- ơng;
- Các đ- ơng sự;
- Chi cục Thi hành án dân sự TP. Hải D- ơng;
- L- u hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Thu H□ơng